TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 21/2022/DS-ST
Ngày: 04/4/2022
V/v: *"T/c HĐDS vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà ***Đoàn Thị Thanh Hà***
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông ***Ngô Xuân Dệt***.
2. Bà ***Nguyễn Thị Bắc***.

Thư ký phiên toà: Bà ***Đặng Thị Lệ Quyên-*** Thư ký Toà án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia La tham gia phiên tòa: Bà ***Trần Thị Thắng Trinh -*** Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2022 tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 190/2021/TLST-DS ngày 29 tháng 6 năm 2021 về "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2022/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 01 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2022/QĐST-DS ngày 17 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị N, sinh năm 1966.
Địa chỉ: 48 Đ, phường D, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.
Bị đơn: Bà Văn Thị T, sinh năm 1958.
Địa chỉ: 24 đường T, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.
Người làm chứng: Bà Võ Thị M; sinh năm: 1960.
Địa chỉ: 162/84/15 đường P, phường Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có đơn từ chối tham gia tố tụng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 6 năm 2021, bản tự khai ngày 11 tháng 01 năm 2022, các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị N trình bày:

Ngày 14/6/2020, tôi có cho bà Văn Thị T vay số tiền 300.000.000đồng *(Ba trăm triệu đồng)*, lãi suất do hai bên tự thoả thuận, mục đích vay để kinh doanh, bà T hẹn trong vòng 05 tháng sẽ hoàn trả cho tôi cả gốc và lãi. Đến tháng 03/2021 bà T đã trả cho tôi số tiền gốc là 50.000.000đồng. Do bà T nợ rất nhiều người nên vào ngày 04/12/2020 giữa bà T và 23 người chủ nợ (trong đó có tôi) đã thống nhất lập biên bản thỏa thuận là vợ chồng bà T đồng ý bàn giao nhà đất và cử người đại diện tiến hành sang nhượng tài sản của vợ chồng bà T để bán và chia tiền theo tỷ lệ phần trăm đã thỏa thuận, trong đó phần của tôi là

150.000.000đồng. Đến ngày 22/12/2021 tôi đã nhận từ bà Võ Thị M (người đại diện nhận đứng tên lô đất của vợ chồng bà T, sau đó bán tài sản của vợ chồng bà T chia cho 3 người theo tỷ lệ) số tiền sau khi chia phần của tôi được là 128.850.000đồng (chưa trừ nộp thuế chuyển nhượng 5.000.000đồng). Trước đây, tại hồ sơ vụ án tôi có khai thực nhận số tiền sau khi trừ thuế là 122.000.000đồng và yêu cầu bà T phải trả cho tôi số tiền còn nợ là 128.000.000đồng. Tại phiên Tòa hôm nay, tôi xác nhận số tiền được chia sau khi bán đất đúng như bà M đã có bản tự khai tại Tòa án vào ngày 27/12/2021.

Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc Bà Văn Thị T phải trả cho tôi số tiền nợ gốc còn lại là 250.000.000đồng - 128.850.000 đồng = *121.150.000đồng (Một trăm hai mươi mốt triệu một trăm năm mươi ngàn đồng)*. Tôi không yêu cầu tính nợ lãi.

2. Tại bản tự khai và đơn từ chối tham gia tố tụng đề ngày 27/12/2021, người làm chứng là bà Võ Thị M trình bày: Theo thỏa thuận thì vợ chồng ông Nguyễn Hữu Đ, bà Văn Thị T đồng ý giao tài sản, tôi và chị Lê Thị Q đứng tên trên 01 lô đất 4.5m địa chỉ tại hẻm Chu Mạnh Trinh, dự tính trị giá lô đất là 675.000.000đồng, sau khi bán sẽ chia cho 03 người. Tuy nhiên, lô đất chỉ bán được số tiền là 623.750.000đồng và đã chia theo tỷ lệ như sau: Võ Thị M: 426.000.000đồng x 859% = 365.934.000đồng, Lê Thị Q: 150.000.000đồng x 859% = 128.850.000đồng, Trần Thị N: 150.000.000đồng x 859% = 128.850.000đồng (như vậy thực tế số tiền còn âm lại là 51.000.000đồng). Tôi đã giao tiền cho bà N vào ngày 22/12/2021. Sự việc cụ thể tôi đã trình bày như trên, tôi cam đoan đó là sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về lời khai của mình và xin từ chối tham gia tố tụng với tư cách người làm chứng trong vụ án.

Đối với bị đơn là Bà Văn Thị T: bà T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N nhưng bà T vẫn không đến Tòa án làm việc. Vì vậy, Tòa án tiến hành các thủ tục tố tụng theo luật định để xét xử vắng mặt bị đơn.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P có ý kiến như sau:

- Về trình tự, thủ tục tố tụng: Việc Tòa án thụ lý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng. Quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về thụ lý vụ án, thẩm quyền giải quyết vụ án, thu thập chứng cứ, thông báo về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như trình tự phiên tòa. Nguyên đơn bà Trần Thị N chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng. Đối với bị đơn Bà Văn Thị T, việc tuân thủ theo quy định của pháp luật tố tụng không đảm bảo.

- Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N, buộc Bà Văn Thị T phải trả cho bà Trần Thị N số tiền nợ gốc là 121.150.000đồng *(Một trăm hai mươi mốt triệu một trăm năm mươi ngàn đồng).* Về nợ lãi: bà N không yêu cầu nên đề nghị không xem xét giải quyết.

- Về án phí: bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: bà Trần Thị N khởi kiện yêu cầu Bà Văn Thị T có địa chỉ tại 24 đường T, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai phải trả cho bà số tiền nợ gốc là 121.150.000đồng và không yêu cầu tính nợ lãi. Đây là tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản, được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P.

[2]. Về tư cách tham gia tố tụng: bà Trần Thị N là người khởi kiện nên tham gia tố tụng với tư cách là nguyên đơn. Bà Văn Thị T là người bị kiện nên tham gia tố tụng với tư cách là bị đơn.

[3]. Về sự vắng mặt của bị đơn: Tại phiên tòa, bị đơn là Bà Văn Thị T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Về yêu cầu khởi kiện: Nguyên đơn là bà Trần Thị N khởi kiện yêu cầu bị đơn là Bà Văn Thị T phải trả cho bà N số tiền nợ gốc là còn lại là 121.150.000đồng *(Một trăm hai mươi mốt triệu một trăm năm mươi ngàn đồng)* và không yêu cầu tính tiền nợ lãi. Theo giấy vay tiền ngày 14/6/2020.

Xét thấy, tại bản gốc giấy vay tiền do nguyên đơn cung cấp đề ngày 14/6/2020 có chữ ký người vay tiền Văn Thị T, nội dung thể hiện bà T có vay số tiền là 300.000.000đồng, hẹn trong vòng 05 tháng sẽ hoàn trả lại hết số tiền trên, lãi suất hai bên tự thỏa thuận. Do bà T còn nợ tiền của nhiều người, nên vào ngày 04/12/2020 giữa bà T và 23 người chủ nợ (trong đó có bà N) đã thống nhất lập biên bản thỏa thuận với nội dung: vợ chồng bà T đồng ý bàn giao tài sản của họ cho các chủ nợ để cấn trừ nợ. Phần nợ được chia của bà N theo thỏa thuận là 150.000.000đồng. Bà Võ Thị Thanh Mai, bà Lê Thị Quý và bà Trần Thị N được trả nợ trong cùng 01 tài sản là 01 lô đất 4.5 mét ngang tại hẻm T, thành phố P, Gia Lai. Đến tháng 03/2021, bà T đã trả thêm cho bà N tiền nợ gốc là 50.000.000đồng. Đến ngày 22/12/2021, sau khi bán được lô đất trên với số tiền là 623.750.000đồng thì bà M đã chia cho bà N được số tiền là 128.850.000 đồng (Một trăm hai mươi tám triệu tám trăm năm mươi ngàn đồng), trong số tiền này bà N khai đã trích ra 5.000.000đồng để nộp thuế chuyển nhượng đất. Như vậy, tổng cộng bị đơn Bà Văn Thị T đã trả cho bà N được số tiền nợ gốc là: 50.000.000 + 128.850.000đồng = 178.850.000đồng (Một trăm bảy mươi tám triệu tám trăm năm mươi ngàn đồng). Số tiền bà T còn nợ của bà N là 121.150.000đồng (Một trăm hai mươi mốt triệu một trăm năm mươi ngàn đồng).

Xét thỏa thuận vay tiền giữa bà Trần Thị N và Bà Văn Thị T là hợp đồng dân sự về việc vay tài sản, được giao kết tự nguyện và hợp pháp nên phát sinh hiệu lực. Do bà T vi phạm thỏa thuận, không trả nợ theo cam kết nên yêu cầu của bà N là có căn cứ. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên buộc bị đơn là Bà Văn Thị T phải trả cho bà Trần Thị N số tiền nợ gốc là *121.150.000đồng (Một trăm hai mươi mốt triệu một trăm năm mươi ngàn đồng).*

Về nợ lãi: tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn không yêu bị đơn phải trả nợ lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Bị đơn là Bà Văn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: *6.057.500 đồng (Sáu triệu không trăm năm mươi bảy ngàn năm trăm đồng)*.

Nguyên đơn được hoàn lại số tiền đã nộp tạm ứng án phí là *6.976.250đồng (Sáu triệu chín trăm bảy mươi sáu ngàn hai trăm năm mươi đồng)*.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Trần Thị N.

Buộc bị đơn là Bà Văn Thị T phải trả cho bà Trần Thị N số tiền nợ là *121.150.000đồng (Một trăm hai mươi mốt triệu một trăm năm mươi ngàn đồng).*

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3]. Về án phí:

- Bà Văn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 6.057.500 đồng (Sáu triệu không trăm năm mươi bảy ngàn năm trăm đồng).

- Hoàn trả lại cho nguyên đơn là bà Trần Thị N số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 6.976.250 đồng *(Sáu triệu chín trăm bảy mươi sáu ngàn hai trăm năm mươi đồng)* theo biên lai thu tiền số 0000151 ngày 29/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai yêu cầu xét xử phúc thẩm. Riêng bị đơn Văn Thị T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố P;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đoàn Thị Thanh Hà

TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ P** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc**

P, ngày 04 tháng 4 năm 2022

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

Vào hồi 15 giờ 00 phút, ngày 04 tháng 4 năm 2022.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà ***Đoàn Thị Thanh Hà.***

Các Hội thẩm nhân dân: Ông ***Ngô Xuân Dệt*** và bà ***Nguyễn Thị Bắc***.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 190/2021/TLST-DS ngày 29 tháng 6 năm 2021 về "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*" giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị N, sinh năm 1966.

Địa chỉ: 48 Đ, phường D, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

Bị đơn: Bà Văn Thị T, sinh năm 1958.

Địa chỉ: 24 đường T, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

1. Về điều luật áp dụng:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Kết quả biểu quyết: Đồng ý: 3/3 thành viên; không đồng ý: Không.

2. Về yêu cầu của đương sự:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Trần Thị N.

Buộc bị đơn là Bà Văn Thị T phải trả cho bà Trần Thị N số tiền nợ là *121.150.000đồng (Một trăm hai mươi mốt triệu một trăm năm mươi ngàn đồng).*

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn

phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Kết quả biểu quyết: Đồng ý: 3/3 thành viên; không đồng ý: Không.

3. Về án phí và quyền yêu cầu thi hành án:

- Bà Văn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 6.057.500 đồng (Sáu triệu không trăm năm mươi bảy ngàn năm trăm đồng).

- Hoàn trả lại cho nguyên đơn là bà Trần Thị N số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 6.976.250 đồng *(Sáu triệu chín trăm bảy mươi sáu ngàn hai trăm năm mươi đồng)* theo biên lai thu tiền số 0000151 ngày 29/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kết quả biểu quyết: Đồng ý: 3/3 thành viên; không đồng ý: Không.

4. Về quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai yêu cầu xét xử phúc thẩm. Riêng bị đơn Văn Thị T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Kết quả biểu quyết: Đồng ý: 3/3 thành viên; không đồng ý: Không.

Nghị án kết thúc vào hồi 15 giờ 20 phút, ngày 04 tháng 4 năm 2022.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Thanh Hà

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố P;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Thị Thanh Hà